NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
Số: ....306../CV-HEID
V/v: Công bố BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, P. Ô chợ Dừa, TP Hà Nội, Việt Nam
4. Điện thoại: 024.35123939 – Fax: 024.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Thành Anh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 19/08/2025)
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: http://www.heid.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:
- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban TGĐ, KTT
- Lưu HCQT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Lê Thành Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05 - 37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	09 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021 và xác nhận số 174890/23 ngày 08/05/2023 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi theo địa giới hành chính mới là: 187B Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch theo địa giới hành chính mới của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Quế	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2025)
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Thành Anh - Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2025)
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên	
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Ủy viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0102222393 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lê Thanh Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

Số: 190825.004/BCTC.KT5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.116.801.600.839**	**597.231.337.319**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**270.070.795.120**	**435.963.730.806**
111	1. Tiền		26.352.542.967	18.607.491.114
112	2. Các khoản tương đương tiền		243.718.252.153	417.356.239.692
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**136.297.987.770**	**30.188.372.362**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		97.000.000	97.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(91.420.000)	(90.540.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		136.292.407.770	30.181.912.362
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**512.843.071.956**	**27.389.564.551**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	505.561.912.157	31.990.448.466
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	21.465.824.567	10.753.986.633
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.762.386.739	3.992.180.959
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.947.051.507)	(19.347.051.507)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**192.002.252.558**	**98.748.508.613**
141	1. Hàng tồn kho		205.853.537.312	113.687.324.282
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.851.284.754)	(14.938.815.669)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**5.587.493.435**	**4.941.160.987**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.302.603.360	4.544.336.527
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		280.047.075	191.708.867
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	4.843.000	205.115.593
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**66.996.292.527**	**71.183.638.531**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**42.000.000**	**42.000.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	42.000.000	42.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**5.781.704.654**	**5.922.532.448**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.781.704.654	5.922.532.448
222	*- Nguyên giá*		*15.868.259.244*	*15.107.698.108*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(10.086.554.590)*	*(9.185.165.660)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**12**	**41.005.045.568**	**42.749.941.118**
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(46.239.732.075)	(44.494.836.525)
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**19.495.181.696**	**21.093.696.056**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.282.681.696	19.881.196.056
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**672.360.609**	**1.375.468.909**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	208.480.714	1.341.934.369
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29	463.879.895	33.534.540
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.183.797.893.366**	**668.414.975.850**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**715.802.568.653**	**207.905.773.199**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**714.553.301.953**	**206.609.094.499**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	410.839.327.293	32.448.056.111
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	239.172.128	277.773.101
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.284.911.899	7.642.520.666
314	4. Phải trả người lao động		51.697.958.106	52.878.361.660
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	139.455.780.957	68.717.620.562
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.319.399.475	167.672.702
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	631.054.427	520.746.307
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	91.242.301.073	19.279.648.629
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.843.396.595	24.676.694.761
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.249.266.700**	**1.296.678.700**
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.249.266.700	1.296.678.700
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**467.995.324.713**	**460.509.202.651**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**19**	**467.995.324.713**	**460.509.202.651**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		201.190.600.248	187.387.060.155
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		33.842.577.386	33.897.303.867
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.589.065.715	85.166.313.313
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*40.691.888.616*	*30.260.880.763*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*38.897.177.099*	*54.905.432.550*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.438.425.416	2.123.869.368
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.183.797.893.366**	**668.414.975.850**

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng

Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**723.081.917.318**	**680.019.042.459**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	57.096.991	1.809.525.574
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**723.024.820.327**	**678.209.516.885**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**23**	**542.926.101.868**	**501.019.386.462**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**180.098.718.459**	**177.190.130.423**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	9.553.726.100	5.139.643.519
22	7. Chi phí tài chính	25	3.259.386.247	7.157.432.779
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*928.346.254*	*893.591.785*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.598.514.360)	10.563.700
25	9. Chi phí bán hàng	26	93.445.305.656	86.362.143.441
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	43.554.780.164	39.884.466.796
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**47.794.458.132**	**48.936.294.626**
31	12. Thu nhập khác		5.393.519	-
32	13. Chi phí khác		7.150.000	9.722.776
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(1.756.481)**	**(9.722.776)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**47.792.701.651**	**48.926.571.850**
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	10.362.791.475	10.443.344.526
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29	(430.345.355)	(447.347.573)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**37.860.255.531**	**38.930.574.897**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**38.362.673.093**	**39.193.164.559**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**(502.417.562)**	**(262.589.662)**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**30**	**2.558**	**2.613**

M.S.D.N: 0102222393 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Lương Ngọc Bích	**Nguyễn Thanh Bình**	**Lê Thành Anh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***47.792.701.651***	***48.926.571.850***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.646.284.480	2.352.418.966
03	- Các khoản dự phòng		(1.486.650.915)	(1.207.974.419)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.906.653.233)	(5.027.335.979)
06	- Chi phí lãi vay		928.346.254	893.591.785
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***41.974.028.237***	***45.937.272.203***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(484.797.539.735)	(370.363.541.644)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(92.166.213.030)	(174.811.449.464)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		451.669.718.515	191.563.044.564
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		375.186.822	(474.340.997)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(889.569.119)	(835.938.163)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.898.916.497)	(6.533.065.691)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.510.000	53.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.615.871.087)	(4.542.551.283)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(110.345.665.894)***	***(320.007.570.475)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(760.561.136)	(1.931.272.727)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(111.110.495.408)	(77.604.712.329)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	181.300.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.361.134.308	6.086.112.129
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(97.509.922.236)***	***107.850.127.073***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		91.242.301.076	81.328.144.270
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19.279.648.632)	(29.112.076.442)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30.000.000.000)	(21.153.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***41.962.652.444***	***31.063.067.828***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(165.892.935.686)**	**(181.094.375.574)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**435.963.730.806**	**222.437.786.607**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**3**	**270.070.795.120**	**41.343.411.033**

Lương Ngọc Bích	**Nguyễn Thanh Bình**	**Lê Thành Anh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021 và xác nhận số 174890/23 ngày 08/05/2023 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 152 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 149 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách, thiết bị giáo dục và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Khai thác đề tài, tổ chức xuất bản các sản phẩm giáo dục (bao gồm cả các sản phẩm số);
- In và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các ấn phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, phần mềm giáo dục, thiết bị giáo dục, các dịch vụ giáo dục, đào tạo; cho thuê văn phòng,...;
- Hợp tác, liên doanh với các cá nhân trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực xuất bản, in ấn và phát hành sản phẩm giáo dục...;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục cho học sinh phổ thông. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là có tính thời vụ cao. Các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới): Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả ngắn hạn, Hàng tồn kho... tại thời điểm 30 tháng 06 hàng năm sẽ tăng mạnh, trong khi các khoản tiền gửi có kỳ hạn sẽ bị giảm mạnh so với đầu năm.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng trả trước cho người bán;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính các loại chi phí phải trả;

- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá

gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đối với hoạt động kinh doanh sách: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó

không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 24 tháng.

Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm: chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ lao động, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	804.269.898	2.854.718.613
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.548.273.069	15.752.772.501
Các khoản tương đương tiền (i)	243.718.252.153	417.356.239.692
	270.070.795.120	**435.963.730.806**

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 243.718.252.153 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,5%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	136.292.407.770	-	30.181.912.362	-
	136.292.407.770	**-**	**30.181.912.362**	**-**

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có tổng giá trị 136.292.407.770 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,8%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	30/06/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết		**97.000.000**	**5.580.000**	**(91.420.000)**	**97.000.000**	**6.460.000**	**(90.540.000)**
- Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	1.500.000	(73.100.000)	74.600.000	1.500.000	(73.100.000)
- Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	4.080.000	(18.320.000)	22.400.000	4.960.000	(17.440.000)
		97.000.000	**5.580.000**	**(91.420.000)**	**97.000.000**	**6.460.000**	**(90.540.000)**

Các chứng khoán kinh doanh niêm yết trên sàn UpCom, biến động thường xuyên theo giá trị thị trường và giá trị của chúng có thể được xác định một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý là giá đóng cửa trên thị trường tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 06 năm 2025).

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Địa chỉ	30/06/2025		01/01/2025	
		Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		%	VND	%	VND
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34	18.282.681.696	46,34	19.881.196.056
			18.282.681.696		**19.881.196.056**

Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây ("HTEC") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500235786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006. Vốn điều lệ của HTEC là 20.500.000.000 VND. Trụ sở chính của HTEC tại: Số 72 đường Bà Triệu, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là: kinh doanh sách giáo khoa; sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học và đồ dùng gia đình; in ấn và phát hành các xuất bản phẩm giáo dục, văn hóa; cho thuê văn phòng, mua bán đại lý các xuất bản phẩm, văn hóa phẩm.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	30/06/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		1.212.500.000	**-**	**1.212.500.000**	**-**

Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ("EPH") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2009. Vốn điều lệ của EPH là 25.000.000.000 VND. Trụ sở chính của EPH tại: Tầng 4, tòa nhà Diamond Flower, số 48 phố Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của EPH là: Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty tại EPH là 4,85%.

Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư nêu trên.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***76.443.130.218***	***(1.014.716.400)***	***14.633.860.861***	***(1.014.716.400)***
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	461.835.222	-	12.488.528.399	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	6.522.060.685	(1.014.716.400)	2.145.332.462	(1.014.716.400)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	20.923.977.962	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	8.557.960.191	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	909.604.079	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	39.067.692.079	-	-	-
Bên khác	***429.118.781.939***	***(12.025.383.042)***	***17.356.587.605***	***(12.425.383.042)***
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	(9.825.764.612)	9.825.764.612	(9.825.764.612)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa	10.055.051.615	-	585.079.085	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	116.947.837.591	-	-	-
Các khách hàng khác	292.290.128.121	(2.199.618.430)	6.945.743.908	(2.599.618.430)
	505.561.912.157	**(13.040.099.442)**	**31.990.448.466**	**(13.440.099.442)**

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***-***	***-***	***1.621.200.000***	***-***
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	1.621.200.000	-
Bên khác	***21.465.824.567***	***(5.906.952.065)***	***9.132.786.633***	***(5.906.952.065)***
Công ty CP Giáo dục EDUSOL	12.767.200.000	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	4.826.952.065	(4.826.952.065)	4.826.952.065	(4.826.952.065)
Các người bán khác	3.871.672.502	(1.080.000.000)	4.305.834.568	(1.080.000.000)
	21.465.824.567	**(5.906.952.065)**	**10.753.986.633**	**(5.906.952.065)**

7 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.859.991.854	-	2.715.958.569	-
Phải thu về tạm ứng	1.212.250.527	-	654.450.527	-
Ký cược, ký quỹ	185.000.000	-	265.989.640	-
Phải thu khác	505.144.358	-	355.782.223	-
	4.762.386.739	**-**	**3.992.180.959**	**-**
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	42.000.000	-	42.000.000	-
	42.000.000	**-**	**42.000.000**	**-**

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	**13.040.099.442**	**-**	**13.440.099.442**	**-**
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.014.716.400	-	1.014.716.400	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	-	9.825.764.612	-
Các đối tượng khác	2.199.618.430	-	2.599.618.430	-
Trả trước cho người bán	**5.906.952.065**	**-**	**5.906.952.065**	**-**
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	4.826.952.065	-	4.826.952.065	-
Các đối tượng khác	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
	18.947.051.507	**-**	**19.347.051.507**	**-**

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang thực hiện các biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	16.208.640	-
Nguyên liệu, vật liệu	20.933.117.258	(368.004.990)	23.393.189.687	(368.004.990)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.233.242.570	-	2.157.754.724	-
Thành phẩm	45.860.523.752	(7.696.366.848)	32.596.482.165	(8.136.503.387)
Hàng hoá	132.555.404.361	(4.665.856.676)	53.252.439.695	(5.313.251.052)
Hàng gửi đi bán	2.271.249.371	(1.121.056.240)	2.271.249.371	(1.121.056.240)
	205.853.537.312	**(13.851.284.754)**	**113.687.324.282**	**(14.938.815.669)**

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		30/06/2025	01/01/2025
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	2.470.111.549	1.719.580.849
	Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	1.782.654.545	2.728.581.818
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	554.454.570	96.173.860
	Chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	495.382.696	-
		5.302.603.360	**4.544.336.527**
b)	**Dài hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.721.279	1.276.174.934
	Chi phí mua bản quyền in sách	65.759.435	65.759.435
		208.480.714	**1.341.934.369**

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	351.270.739	12.813.430.613	1.942.996.756	15.107.698.108
Mua trong kỳ	-	-	760.561.136	760.561.136
Số dư cuối kỳ	**351.270.739**	**12.813.430.613**	**2.703.557.892**	**15.868.259.244**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	351.270.739	7.060.016.588	1.773.878.333	9.185.165.660
Khấu hao trong kỳ	-	732.186.570	169.202.360	901.388.930
Số dư cuối kỳ	**351.270.739**	**7.792.203.158**	**1.943.080.693**	**10.086.554.590**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	5.753.414.025	169.118.423	5.922.532.448
Tại ngày cuối kỳ	**-**	**5.021.227.455**	**760.477.199**	**5.781.704.654**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 6.303.849.928 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 6.187.092.428 VND).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là Tòa nhà Văn phòng HEID tại K3B ngõ 6A phố Thành Công, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam, có Nguyên giá là 87.244.777.643 VND; Hao mòn lũy kế là 46.239.732.075 VND; khấu hao trong kỳ là 1.744.895.550 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để kinh doanh cho thuê văn phòng và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***350.882.090.315***	***350.882.090.315***	***3.382.327.589***	***3.382.327.589***
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	350.816.514.561	350.816.514.561	3.103.218.724	3.103.218.724
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	65.575.754	65.575.754	279.108.865	279.108.865
Bên khác	***59.957.236.978***	***59.957.236.978***	***29.065.728.522***	***29.065.728.522***
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	2.489.752.934	2.489.752.934	-	-
Các người bán khác	57.467.484.044	57.467.484.044	29.065.728.522	29.065.728.522
	410.839.327.293	**410.839.327.293**	**32.448.056.111**	**32.448.056.111**

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác	***239.172.128***	***277.773.101***
Các khách hàng khác	239.172.128	277.773.101
	239.172.128	**277.773.101**

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.031.643.099	1.550.441.078	1.645.386.881	-	936.697.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.753.000.492	10.362.791.475	6.898.916.497	-	8.811.946.018
Thuế thu nhập cá nhân	200.272.593	857.877.072	18.548.595.736	16.669.931.633	-	2.536.268.582
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	449.766.042	449.766.042	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	3	197.970.637	197.970.637	4.843.000	3
	205.115.593	**7.642.520.666**	**31.109.564.968**	**25.861.971.690**	**4.843.000**	**12.284.911.899**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	55.442.698	16.665.563
Trích trước chi phí tổ chức bản thảo, thiết kế chế bản, thu âm	8.655.772.515	1.544.466.557
Trích trước chi phí bản quyền	14.785.845.957	24.711.743.657
Chi phí phải trả nhà cung cấp	63.949.725.895	31.268.587.584
Chi phí phải trả khác	52.008.993.892	11.176.157.201
	139.455.780.957	**68.717.620.562**
Trong đó: Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	15.852.799.403	22.978.699.959
	15.852.799.403	**22.978.699.959**

17 PHẢI TRẢ KHÁC

		30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Kinh phí công đoàn	59.263.719	53.692.119
	Bảo hiểm xã hội	-	4.306.823
	Bảo hiểm y tế	-	760.028
	Bảo hiểm thất nghiệp	-	337.790
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	-
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	271.790.708	461.649.547
		631.054.427	**520.746.307**
b)	**Dài hạn**		
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.249.266.700	1.296.678.700
		1.249.266.700	**1.296.678.700**

18 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam (i)	16.603.057.484	16.603.057.484	56.669.341.049	16.603.057.484	56.669.341.049	56.669.341.049
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	2.676.591.145	2.676.591.145	34.572.960.027	2.676.591.148	34.572.960.024	34.572.960.024
	19.279.648.629	**19.279.648.629**	**91.242.301.076**	**19.279.648.632**	**91.242.301.073**	**91.242.301.073**

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam theo Hợp đồng gia hạn, sửa đổi bổ sung hợp đồng số SHBHNC/HĐTD/790500000429/06 ngày 25 tháng 06 năm 2025 với Hạn mức tín dụng 70 tỷ VND; thời hạn vay đến ngày 19 tháng 05 năm 2026 và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ; lãi vay thả nổi theo từng khế ước; mục đích vay để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; hình thức bảo đảm cho khoản vay là khoản phải thu luân chuyển có giá trị tối thiểu 50 tỷ VND và tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam với tổng giá trị tối thiểu 15 tỷ VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 01/2024-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 20 tháng 05 năm 2024 với Hạn mức tín dụng 150 tỷ VND; thời hạn vay 01 năm và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ; lãi vay thả nổi theo từng khế ước; mục đích vay để đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là tòa nhà Văn phòng HEID tại K3B ngõ 12 Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Các khoản vay đã được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**152.713.974.967**	**30.468.085.782**	**79.661.364.628**	**1.840.863.329**	**416.618.944.654**
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	39.193.164.559	(262.589.662)	38.930.574.897
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(153.000.000)	(21.153.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển tại công ty mẹ	-	-	27.659.393.041	-	(27.659.393.041)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển tại công ty con	-	-	155.255.978	-	(155.255.978)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	-	(232.883.966)	(119.970.528)	(352.854.494)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.214.658.982)	-	(1.214.658.982)
Số dư cuối kỳ trước	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**180.528.623.986**	**30.468.085.782**	**68.592.337.220**	**1.305.303.139**	**432.829.006.075**
Số dư đầu năm nay	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**187.387.060.155**	**33.897.303.867**	**85.166.313.313**	**2.123.869.368**	**460.509.202.651**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	38.362.673.093	(502.417.562)	37.860.255.531
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(30.000.000.000)	-	(30.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển tại công ty mẹ	-	-	13.388.513.453	-	(13.388.513.453)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển tại công ty con	-	-	415.026.640	-	(415.026.640)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại công ty con	-	-	-	-	(622.539.960)	(320.702.404)	(943.242.364)
Tăng do thay đổi lợi nhuận năm trước của công ty con	-	-	-	-	267.253.438	137.676.014	404.929.452
Công ty mẹ điều chỉnh lại số liệu tạm phân phối trong năm trước	-	-	-	(54.726.481)	218.905.924	-	164.179.443
Số dư cuối kỳ này	**150.000.000.000**	**1.934.655.948**	**201.190.600.248**	**33.842.577.386**	**79.589.065.715**	**1.438.425.416**	**467.995.324.713**

Phân phối lợi nhuận của các công con trong kỳ như sau:

	Phân phối tại các công ty con		
	Tổng cộng	Phần thuộc về công ty mẹ	Phần thuộc về cổ đông không kiểm soát
	VND	VND	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	415.026.640	415.026.640	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	943.242.364	622.539.960	320.702.404

Phân phối lợi nhuận năm 2024 tại Công ty mẹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2025 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2024 trên Báo cáo tài chính riêng		**67.489.832.074**
Đã tạm phân phối trong năm 2024 như sau:		20.575.308.509
- *Trích Quỹ đầu tư phát triển*	*10*	*6.858.436.169*
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*5*	*3.429.218.085*
- *Trích quỹ khen thưởng*	*5*	*3.429.218.085*
- *Trích quỹ phúc lợi*	*5*	*3.429.218.085*
- *Trích quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát*	*5*	*3.429.218.085*
Phân phối phần lợi nhuận năm 2024 còn lại trong kỳ này:		43.169.607.529
- *Trích quỹ đầu tư phát triển*	*20*	*13.388.513.453*
- *Chi trả cổ tức*	*20% vốn điều lệ*	*30.000.000.000*
- *Điều chỉnh trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*		*(54.726.481)*
- *Điều chỉnh trích quỹ khen thưởng*		*(54.726.481)*
- *Điều chỉnh trích quỹ phúc lợi*		*(54.726.481)*
- *Điều chỉnh trích quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát*		*(54.726.481)*
Lợi nhuận năm 2024 còn lại chưa phân phối		3.744.916.036

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16	60.246.000.000	40,16
Lê Xuân Lương	21.676.000.000	14,45	20.487.000.000	13,66
Dennis Peter Eric	8.433.000.000	5,62	8.433.000.000	5,62
Các cổ đông khác	59.645.000.000	39,77	60.834.000.000	40,56
Cộng	**150.000.000.000**	**100**	**150.000.000.000**	**100**

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	30.000.000.000	21.153.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*30.000.000.000*	*21.153.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	30.000.000.000	21.153.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*30.000.000.000*	*21.153.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.000.000*	*15.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.000.000*	*15.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	201.190.600.248	187.387.060.155
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	33.842.577.386	33.897.303.867
	235.033.177.634	**221.284.364.022**

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.769.155.552	5.839.862.727
Từ 1 năm đến 5 năm	4.096.206.909	6.160.618.727

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty mẹ và các công ty con có thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.027.188.183	1.523.236.364
Từ 1 năm đến 5 năm	324.000.000	1.296.000.000

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) đã ký Hợp đồng thuê đất số 53/HĐTĐ ngày 11 tháng 02 năm 2010 với UBND thành phố Hà Nội để thuê khu đất có diện tích là 1.023 m^2 tại K3B, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội cho mục đích xây dựng công trình nhà văn phòng và vận hành cho thuê. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 08 năm 2009. Theo hợp đồng, công ty con phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.601.087.801	3.601.087.801

21 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu bán sách giáo khoa nhập mua	310.797.695.618	257.664.600.607
Doanh thu xuất bản phẩm khác, doanh thu khác	408.675.462.428	418.780.689.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	3.608.759.272	3.573.752.388
	723.081.917.318	**680.019.042.459**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	179.874.830.257	191.094.552.587

22 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	37.432.584	1.787.659.919
Hàng bán bị trả lại	19.664.407	21.865.655
	57.096.991	**1.809.525.574**

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Giá vốn bán sách giáo khoa nhập mua	276.905.822.049	238.936.861.434
Giá vốn bán xuất bản phẩm khác, giá vốn khác	265.169.002.633	260.966.324.894
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	1.938.808.101	2.144.251.433
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.087.530.915)	(1.028.051.299)
	542.926.101.868	**501.019.386.462**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	437.434.089.743	491.838.727.224

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.934.667.593	4.859.147.279
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.570.500.000	157.625.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	37.109.560	-
Chiết khấu thanh toán	11.448.947	122.871.240
	9.553.726.100	**5.139.643.519**
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	1.570.500.000	157.625.000

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Lãi tiền vay	928.346.254	893.591.785
Chiết khấu thanh toán	2.246.694.573	5.714.320.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	83.461.651	551.985.955
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	880.000	(2.468.960)
Chi phí tài chính khác	3.769	3.999
	3.259.386.247	**7.157.432.779**

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.185.963.484	576.693.603
Chi phí nhân công	37.070.761.746	34.042.942.413
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.261.818.877	1.285.882.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.885.520	61.587.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.415.350.555	39.582.708.879
Chi phí khác bằng tiền	11.451.525.474	10.812.328.640
	93.445.305.656	**86.362.143.441**

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.980.535	102.686.960
Chi phí nhân công	22.177.547.975	20.561.489.293
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	534.881.512	286.360.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	841.503.410	545.935.876
Thuế, phí và lệ phí	676.090.230	520.656.691
Hoàn nhập dự phòng	(400.000.000)	(177.454.160)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.345.563.670	11.773.683.352
Chi phí khác bằng tiền	6.287.212.832	6.271.107.792
	43.554.780.164	**39.884.466.796**
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	1.424.424.546	1.424.424.546

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	9.486.249.195	9.714.461.601
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	876.542.280	728.882.925
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**10.362.791.475**	**10.443.344.526**

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	463.879.895	33.534.540
	463.879.895	**33.534.540**

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.534.540	287.156.493
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(463.879.895)	(734.504.066)
	(430.345.355)	**(447.347.573)**

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.362.673.093	39.193.164.559
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	38.362.673.093	39.193.164.559
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.558**	**2.613**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.525.436.536	179.023.196.449
Chi phí nhân công	59.248.309.721	54.604.431.706
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.796.700.389	1.572.243.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.646.284.480	2.352.418.966
Thuế, phí và lệ phí	676.090.230	520.656.691
Chi phí dự phòng	(400.000.000)	(177.454.160)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.950.998.829	163.948.799.432
Chi phí khác bằng tiền	36.003.605.802	47.881.018.672
	419.447.425.987	**449.725.311.114**

32 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là tiền thực thu từ đi vay theo khế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là tiền thực trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường.

33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

34 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể, công ty mẹ của Tập đoàn
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn (i)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn (i)
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

(i) Các đơn vị trực thuộc hoặc công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	**179.874.830.257**	**191.094.552.587**
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	79.090.908
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	76.827.523.600	71.277.020.398
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	12.264.705.315	32.469.642.890
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	28.652.584.801	30.216.913.586
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	47.024.900.393	43.628.698.457
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	59.461.112	100.232.840
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	2.165.438.436	2.844.303.848
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	8.662.605.817	6.912.260.120
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	472.243.911	706.042.290
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	985.472.318	564.488.010
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	955.042.283	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	1.804.852.271	2.295.859.240
Mua hàng hóa, dịch vụ	**437.434.089.743**	**491.838.727.224**
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	41.551.027.648	27.992.863.470
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	380.297.875.394	461.581.357.077
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	16.063.800	29.588.100
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	10.311.174.991	-
Công ty CP Sách Dân tộc	7.680.000	107.520.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	101.933.331	177.706.663
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	1.208.926.279	248.541.534
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	8.019.600	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	3.138.966.770	615.916.870
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	173.882.650	243.305.050
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	7.500.000	13.314.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	611.039.280	828.614.460
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng	**1.424.424.546**	**1.424.424.546**
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	324.000.000	324.000.000
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	1.100.424.546	1.100.424.546

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Cổ tức đã chia	**12.049.200.000**	**8.434.440.000**
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	12.049.200.000	8.434.440.000
Cổ tức được chia	**1.570.500.000**	**157.625.000**
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	145.500.000	157.625.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.425.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các giao dịch với Công ty TNHH Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN") chủ yếu là thực hiện hợp đồng mua bán SGK, SBT và các sản phẩm giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông. Theo hợp đồng, Công ty có kế hoạch đặt hàng, giao nhận hàng theo các đơn đặt hàng. Giá hợp đồng được căn cứ theo giá bìa của các bộ sách tương ứng. Theo hợp đồng, chi phí trong khâu lưu thông gồm chi phí triển khai thị trường và phí phát hành. Công ty có trách nhiệm thực hiện các công việc giới thiệu, tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, phòng chống in lậu, phòng chống phát hành sách giả và các công việc liên quan đến phát hành, mức chi không được vượt quá mức quy định của NXBGDVN. Thời hạn thanh toán cho NXBGDVN thông thường là 70-80 ngày kể từ mốc thanh toán được quy định cụ thể cho từng thời điểm.

Điều khoản quy định tại hợp đồng (kế hoạch đặt hàng, giá bán, cơ chế thanh toán, thưởng, phạt...): theo văn bản, quy định của NXBGDVN.

Tiến độ cung ứng hàng hóa thực tế (đồng bộ, tiến độ...): theo thực hiện của NXBGDVN.

Đối với các giao dịch còn lại với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản như các giao dịch thông thường được ghi nhận trên hợp đồng.

Thù lao tạm ứng của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Ông Trần Văn Quế	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09/04/2025)	42.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025) (i)	33.333.333	66.666.666
Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT	75.333.333	66.666.666
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT	60.266.667	53.333.334
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT	60.266.667	53.333.334
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	60.266.667	53.333.334
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 09/04/2025)	21.000.000	-
Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 09/04/2025)	16.666.667	33.333.334
Ông Phan Đức Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	22.600.000	20.000.000
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	22.600.000	20.000.000

(i) Công ty chuyển khoản thù lao này vào tài khoản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN") căn cứ Điều 12 Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của NXBGDVN đầu tư vào doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 715/QĐ-NXBGDVN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của NXBGDVN.

Tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách, ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Ông Trần Văn Quế	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (Bổ nhiệm ngày 09/04/2025)	126.429.000	-
Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc	170.220.000	178.400.000
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	145.200.000	156.894.000
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	138.420.000	144.864.000
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	138.420.000	144.561.000
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng giám đốc	138.420.000	150.420.000
Bà Nguyễn Thanh Bình	Kế toán trưởng	138.420.000	147.117.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Lương Ngọc Bích	**Nguyễn Thanh Bình**	**Lê Thành Anh**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025